

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
Năm học 2019-2020**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4136,1m ²	20,6m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1564,5 m ²	7,8 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1100 m ²	3,2m ² /trẻ em
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	840 m ²	4,1m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	840 m ²	4,1m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	252 m ²	1,25m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	271,8 m ²	1,35m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	123 m ²	0,6m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	1 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	23	
1	Màn hình tương tác	01	
2	Máy chiếu siêu gần	01	
3	Máy tính bảng	15	

4	Máy tính Kidsmart	05	
5	Camera lớp học	12	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Bộ thiết bị thông minh 5-6 tuổi	4	1 bộ/ lớp MG 5-6 tuổi
2	Bộ thiết bị thông minh 4-5 tuổi	3	1 bộ/ lớp MG 4-5 tuổi
3	Bàn cảm ứng tương tác	4	1 cái/lớp MG 4-5 tuổi.
4	Đồ dùng đồ chơi tự làm	36	03/nhóm(lớp)

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/ Nữ	Chung	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		12		1,25 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Mạo Khê, ngày 03 tháng 02 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Bấy